

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DSST

Ngày: 19/01/2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thi.

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa, thư ký Tòa án.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 172/2017/TLDS-ST ngày 04/10/2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐXX-ST ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Bé N, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Trần Thị S, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Bé N trình bày: Do quen biết, vào ngày 29/12/2015, bà N có cho bà Trần Thị S vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/4/2016. Bà S có viết cho bà N một biên nhận nợ và ký tên. Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 22/4/2017, bà S có trả nợ cho bà nhiều lần tổng số tiền bà S đã trả là 39.000.000 đồng nên còn nợ 21.000.000 đồng. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà S trả số tiền còn lại nhưng bà S không trả. Bà N yêu cầu bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 21.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị S trình bày: Thống nhất cùng lời trình bày của bà N, bà S có nợ bà N số tiền 60.000.000 đồng. Biên nhận ngày 29/4/2016 là do bà viết và ký tên. Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 22/4/2017, bà S có trả cho bà N nhiều lần tiền tổng cộng là 44.000.000 đồng nên còn nợ 16.000.000 đồng. Khi trả tiền cho bà N, bà N có viết cho bà S biên nhận tiền nhưng chưa cung cấp được chứng cứ nào cho Tòa án.

Do làm ăn thất bại, đang bị bệnh nên bà S xin trả dần mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phan Thị Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 21.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị S vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé N thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị S theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, bà S vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt Bà S.

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé N yêu cầu bà Trần Thị S trả cho bà N số tiền vay (vốn gốc) là 21.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ do bà N cung cấp thì vào ngày 29/12/2015, bà Phan Thị Bé N có cho bà Trần Thị S vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/4/2016. Bà S có viết cho bà N một biên nhận nợ và ký tên. Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 22/4/2017, bà S có trả nợ cho bà nhiều lần tổng số tiền bà S đã trả là 39.000.000 đồng nên còn nợ 21.000.000 đồng;

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 22/11/2017, bà Trần Thị S thừa nhận có vay của bà N số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/4/2016. Bà S có viết cho bà N một biên nhận nợ và ký tên. Từ ngày 29/4/2016 đến ngày 22/4/2017, bà S có trả cho bà N nhiều lần tiền tổng cộng là 44.000.000 đồng nên còn nợ 16.000.000 đồng, nhưng không có cung cấp chứng cứ chứng minh mỗi lần trả tiền cho bà N với tổng số tiền 44.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 16.000.000 đồng và lời khai nại này của bà S không được bà N thừa nhận;

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Phan Thị Bé N là có cơ sở, bởi vì: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 29/12/2015 thì bà N có cho bà S vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 29/4/2016, không có lãi suất; Đến hạn trả tiền bà N yêu cầu bà S trả số tiền trên nhưng bà S chỉ thực hiện được một phần. Bà S thừa nhận biên nhận ngày 29/12/2015 do bà viết và ký tên; Bà S cũng không có căn cứ gì để chứng minh bà đã trả một phần tiền vay được 44.000.000 đồng và còn nợ 16.000.000 đồng. Bà N không thừa nhận số tiền vốn mà bà S đã trả 44.000.000 đồng mà chỉ nhận từ bà S tổng cộng tiền vốn là 39.000.000 đồng nên còn nợ số tiền vốn là 21.000.000 đồng;

Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ và lời trình bày của bà N là có căn cứ cho nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé N về việc yêu cầu bà Trần Thị S trả số tiền vay 21.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Phan Thị Bé N yêu cầu bà Trần Thị S trả vốn gốc 21.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Bé N về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì bà Trần Thị S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà N nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà N cho nên chấp nhận yêu cầu này của bà N;

Cần buộc bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc 21.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Phan Thị Bé N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại bà N án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 472, 473, 474 Bộ luật Dân Sự năm 2005 và các điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bé N.

Buộc bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Bé N số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà Phan Thị Bé N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu, năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Bé N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại án phí cho bà N số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001054 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với bị đơn Trần Thị S vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu